

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực
Quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Các nội dung quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

- Quy định thực hiện thủ tục hành chính thứ tự số 3 Mục B Phần I; khoản 3 Mục II Phần II của Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quy định thực hiện thủ tục hành chính thứ tự số 1 Mục A và số 1 Mục B khoản 1 Phần I; khoản 2 Phần I; khoản 1 Mục I Phần II và khoản 1 Mục II Phần II của Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-BXD ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất

lượng công trình xây dựng và lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- BTP (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP;
- Văn phòng Bộ, Trung tâm CNTT;
- Công TTĐT Bộ XD;
- Lưu: VT, GD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Minh Hà

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1092/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung được thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.009793	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh
2	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã theo phân cấp

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	UBND cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư gửi 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc cơ quan chuyên môn của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình. Trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công thì thực hiện kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, quản lý an toàn của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng trong thi công xây dựng, từ khi khởi công xây dựng đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VI Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

1.8. Lệ phí, phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

- Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

- Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

**MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**
(Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(1)
Số:

**BÁO CÁO
HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2)

.....(1) báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: ... (3) ... thuộc dự án.....
2. Mã định danh dự án... (4) ... Mã định danh công trình xây dựng ... (5) ...
3. Địa điểm xây dựng:
4. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
5. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
6. Danh sách các nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng.
7. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
8. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
9. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
10. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
11. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật về xây dựng); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)... tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của chủ đầu tư.

- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.
- (4), (5) Mã định danh dự án/Mã định danh công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

MẪU THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:(2)

Căn cứ(3)

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số....;

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(1) chấp thuận kết quả nghiệm thu(4) của(2) đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: (5)

b) Mã định danh dự án... (6) ... Mã định danh công trình xây dựng ... (7) ...

c) Địa điểm xây dựng:

d) Loại và cấp công trình.

đ) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- (4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Nghị định 207/2026/NĐ-CP.
- (5) Tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi được chấp thuận kết quả nghiệm thu.
- (6), (7) Mã định danh dự án theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương

1.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư gửi 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng tới Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình. Trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công thì thực hiện kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, quản lý an toàn của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng trong thi công xây dựng, từ khi khởi công xây dựng đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Trong thời hạn 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh ra thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VI Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt và 12 ngày làm việc đối với công trình còn lại kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh (cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

1.8. Lệ phí, phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.
- Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;
- Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

**MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**
(Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

.....(1)
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO
HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2)

.....(1) báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: ... (3) ... thuộc dự án.....
2. Mã định danh dự án... (4) ... Mã định danh công trình xây dựng ... (5) ...
3. Địa điểm xây dựng:
4. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
5. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
6. Danh sách các nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng.
7. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
8. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
9. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
10. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
11. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật về xây dựng); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)... tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của chủ đầu tư.

- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.
- (4), (5) Mã định danh dự án/Mã định danh công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

MẪU THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:(2)

Căn cứ(3)

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số....;

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(1) chấp thuận kết quả nghiệm thu(4) của(2) đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: (5)

b) Mã định danh dự án... (6) ... Mã định danh công trình xây dựng ... (7) ...

c) Địa điểm xây dựng:

d) Loại và cấp công trình.

đ) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- (4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Nghị định 207/2026/NĐ-CP.
- (5) Tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi được chấp thuận kết quả nghiệm thu.
- (6), (7) Mã định danh dự án theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình gửi 01 bản báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình hoặc đánh giá an toàn công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình hoặc đánh giá an toàn công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng theo Phụ lục XIa Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc UBND cấp tỉnh, hoặc UBND cấp xã nơi xây dựng công trình theo phân cấp.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo Phụ lục XIb Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2.8. Lệ phí, phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại Phụ lục XIa Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

- Thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại Phụ lục XIb Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

- Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH
(Phụ lục XIa ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

...(1)...
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH

Kính gửi:(2)

.....(1) báo cáo về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình với các nội dung sau:

1. Thông tin về công trình

- Tên và địa chỉ công trình;
- Mã định danh công trình xây dựng ...(3) ...
- Tên chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình;
- Loại và cấp công trình;
- Quy mô công trình;
- Năm xây dựng và năm đưa vào sử dụng;
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế.

2. Kết quả thực hiện

.....(1) đã tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các công việc:

- Kết quả kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố;
- Công tác gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng.

Đề nghị.... (2) xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU HOẶC CHỦ QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.
- (2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 43 Nghị định này.
- (3) Mã định danh công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

MẪU THÔNG BÁO
Ý KIẾN VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH
(Phụ lục XIb ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

...**(1)** ... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 202...

Số: /.....

THÔNG BÁO
Ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình

Kính gửi:(2).....

Căn cứ khoản 9 Điều 43 Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày/.../2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ báo cáo số ... ngày ... của ...(2)... về việc ... (Mã hồ sơ TTHC số...);

Căn cứ khác (nếu có);

....(1) thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

- Tên và địa chỉ công trình;
- Mã định danh công trình xây dựng..(4)..
- Tên chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình;
- Loại và cấp công trình;
- Quy mô công trình;
- Năm xây dựng và năm đưa vào sử dụng;
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế.

2. Ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-(để b/c);
- Bộ phận một cửa;
- (3);
- Lưu:...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 43 Nghị định này.
- (2) Tên của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.
- (3) Các cơ quan có liên quan (nếu cần).
- (4) Mã định danh công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.